

Số: 74 /BC-UBND

Gia Lai, ngày 22 tháng 6 năm 2020

## BÁO CÁO

### Về tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ thu chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2020

Thực hiện Thông báo số 208/TB-HDND ngày 21/5/2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về chuẩn bị nội dung, chương trình Kỳ họp thứ mười ba, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2016-2021, UBND tỉnh báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ thu chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2020 như sau:

#### I. Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2020.

##### 1. Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (phụ lục 01 kèm theo).

Trong năm 2020, Trung ương giao dự toán thu ngân sách trên địa bàn tỉnh Gia Lai 4.570 tỷ đồng, tăng 1,47% so với dự toán năm 2019. Dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua là 5.200 tỷ đồng.

Ước thực hiện thu 6 tháng đầu năm 2020 là 2.090 tỷ đồng đạt 45,7% dự toán Trung ương giao, đạt 40,2% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, giảm 7,2% so với cùng kỳ.

Ước thực hiện cả năm 4.746 tỷ đồng, đạt 103,9% dự toán trung ương giao, giảm 8,7% so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 4,2% so với thực hiện năm 2019. Cụ thể:

###### 1.1. Thu nội địa:

- Ước thực hiện 6 tháng đầu năm là 2.010 tỷ đồng (bao gồm thu xổ số kiến thiết), đạt 46% dự toán Trung ương giao, 40,4% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, giảm 5,6% so với cùng kỳ.

Ước thực hiện cả năm 4.550 tỷ đồng, đạt 104,2% dự toán trung ương giao, đạt 91,3% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 4,3% so với thực hiện năm 2019. Cụ thể:

###### Một số khoản thu đạt khá (06/14 khoản):

(1) Khoản thu từ DNNN địa phương: Ước thực hiện 25 tỷ đồng, đạt 61% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 7% so với cùng kỳ năm trước). Nguyên nhân chủ yếu do phát sinh thuế từ bán thanh lý gỗ của các công ty lâm nghiệp, hạt kiềm lâm.

(2) Khoản thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài: Ước thực hiện 23,7 tỷ đồng, đạt 103% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 11,3% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu các doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp sau quyết toán thuế và nộp cả năm 2019.

(3) Phí xăng dầu - thuế bảo vệ môi trường: Ước thực hiện 345 tỷ đồng, đạt 50% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 4,7% so với cùng kỳ.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Gia Lai chỉ có bốn đơn vị thuộc đối tượng kê khai thuế bảo vệ môi trường theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ. Riêng các đơn vị đóng trụ sở chính ở các tỉnh khác, có phát sinh hoạt động kinh doanh trên địa bàn tỉnh nhưng chưa kê khai thuế bảo vệ môi trường tại địa phương chiếm khoảng 31% (*khoảng 284 tỷ đồng/năm*).

(4) Thu phí và lệ phí: Ước thực hiện 51 tỷ đồng, đạt 53,7% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 4,7% so với cùng kỳ. Nguyên nhân đạt khá chủ yếu do thu lệ phí môn bài các tổ chức, cá nhân nộp cả năm 2020 từ đầu năm.

(5) Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: Ước thực hiện là 42 tỷ đồng, đạt 58,3% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, giảm 20,5% so với cùng kỳ. Nguyên nhân do tiền trúng đấu giá tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các mỏ khoáng sản của địa phương giảm (*6 tháng 2019 nộp 16 tỷ; 6 tháng 2020 ước nộp 8 tỷ*).

(6) Thu phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế thực hiện: Ước thực hiện 9 tỷ đồng, đạt 90% dự toán Trung ương và đạt 69,2% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 35,6% so với cùng kỳ.

Bên cạnh đó, còn một số khoản thu thấp như (08/14 khoản):

(1) Thu từ DN NN Trung ương: Ước thực hiện 320 tỷ đồng, đạt 35,2% dự toán Trung ương giao, đạt 34,7% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, giảm 24,9% so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân chủ yếu do thời tiết nắng nóng, sản lượng phát điện các công ty thủy điện đạt thấp so với tiến độ dự toán, giảm so cùng kỳ năm trước; một phần hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp bị ngưng trệ do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.

(2) Thu thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh: Ước thực hiện 424 tỷ đồng, đạt 35,3% dự toán Trung ương giao, đạt 34,7% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, giảm 24% so với cùng kỳ. Nguyên nhân do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 nên một số tổ chức, cá nhân tạm ngừng, nghỉ kinh doanh và hoạt động sản xuất giảm mạnh, sức tiêu thụ hàng hóa giảm. Đồng thời, hầu hết các doanh nghiệp được gia hạn nộp tiền thuế giá trị gia tăng theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

(3) Thu lệ phí trước bạ: Ước thực hiện là 86 tỷ đồng, đạt 30,2% dự toán Trung ương và dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, giảm 30,4% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19, chuyển nhượng ô tô, xe máy giảm mạnh (*lệ phí trước bạ ô tô, xe máy 6 tháng 2019 nộp 112 tỷ; 6 tháng 2020 ước nộp 70 tỷ*). Kinh tế gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh,

giá cả nông sản chủ lực đang ở mức thấp,... ảnh hưởng việc tiêu thụ hàng hóa, chuyển nhượng bất động sản, ô tô, xe máy nên nguồn thu lệ phí trước bạ, thuế thu nhập cá nhân giảm mạnh so cùng kỳ và đạt rất thấp so tiền độ dự toán năm 2020 đã được giao.

(4) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Ước thực hiện 3,7 tỷ đồng, đạt 46,3% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, giảm 18,3% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân chủ yếu do nhiều hộ gia đình khó khăn do ảnh hưởng dịch bệnh covid-19 nên chưa nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đợt 1 năm 2020 (*thuế sử dụng đất phi nông nghiệp nộp 2 đợt, đợt 1 nộp tháng 5 và đợt 2 tháng 10*).

(5) Thuế thu nhập cá nhân: Ước thực hiện 145 tỷ đồng, đạt 46,8% dự toán Trung ương giao và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, giảm 3,3% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu do giảm thuế thu nhập cá nhân của hộ cá nhân kinh doanh (6 tháng 2019 nộp 29,2 tỷ; 6 tháng 2020 ước nộp 27 tỷ).

(6) Thu tiền sử dụng đất: Ước thực hiện là 450 tỷ đồng, đạt 90% dự toán Trung ương giao, 41,7% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 45,2% so với cùng kỳ. Đến ngày 31/5/2020, tổng thu tiền sử dụng đất là 341,4 tỷ đồng, gồm: Cấp tỉnh\_đạt 81,3 tỷ đồng (18,2%), cấp huyện, xã đạt 260,1 tỷ đồng (41,2%).

Nguyên nhân do các dự án giao đất, đấu giá đất có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất một số dự án lớn trên địa bàn triển khai chậm nên chưa khai thác nguồn thu từ đất.

(7) Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước: Ước thực hiện là 23 tỷ đồng, đạt 28% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, giảm 38,1% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân do thực hiện việc gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Đến hết ngày 27/5/2020, đã gia hạn cho 443 người nộp thuế với số tiền thuế gia hạn 126,5 tỷ đồng.

(8) Thu xổ số kiến thiết: Ước thực hiện là 62 tỷ đồng, đạt 44,3% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, giảm 16,1% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân do dịch bệnh covid-19, Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh tạm ngưng hoạt động bán vé số 01 tháng (tháng 5/2020 nộp 1,8 tỷ).

- Các khoản thu do cơ quan tài chính quản lý: Ước thực hiện là 76,1 tỷ đồng, đạt 40,3% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, giảm 19,3% so với cùng kỳ. Nguyên nhân, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, các khoản thu khác còn lại giảm so với 6 tháng đầu năm 2019.

## 1.2. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu do cơ quan hải quan quản lý thu.

Ước thực hiện là 3,9 tỷ đồng, đạt 13% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, giảm 86,3% so cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm 5,5 tỷ đồng,

đạt 18,3% dự toán trung ương giao và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, giảm 82,2% so với thực hiện năm 2019.

**Nguyên nhân:** Nguồn thu chủ yếu từ thuế GTGT của mặt hàng mủ cao su tự nhiên nhập khẩu, mặt hàng máy móc thiết bị nhập khẩu tạo tài sản cố định và thu từ công tác kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong 6 tháng đầu năm, thu NSNN từ máy móc thiết bị nhập khẩu tạo tài sản cố định trên địa bàn giảm 94% so cùng kỳ; mặt hàng gỗ nhiên liệu nhập khẩu không phát sinh, giảm 100% so với cùng kỳ. Đối với mặt hàng cao su tự nhiên nhập khẩu, trong 6 tháng đầu năm, do ảnh hưởng của dịch Coivid - 19 nên việc nhập khẩu và vận chuyển hàng hóa gấp nhiều khó khăn, tác động lớn đến việc nhập khẩu hàng hóa, dẫn đến kim ngạch và số thu NSNN giảm.

Trong 6 tháng đầu năm không phát sinh nhập khẩu máy móc thiết bị cho dự án đầu tư mới, chỉ phát sinh số thu máy móc nhập thay thế của 01 dự án thủy điện. Một số dự án ưu đãi đầu tư phát sinh nhưng doanh nghiệp chọn làm thủ tục tại các cảng biển hoặc cửa khẩu nơi hàng hóa được vận chuyển đến. Đối với mặt hàng gỗ nguyên liệu nhập khẩu, hiện nay Chính phủ Campuchia thực hiện lệnh cấm xuất khẩu, do đó nguồn thu từ mặt hàng này đến nay không phát sinh.

### 1.3. Ước thực hiện thu ngân sách đến 30/6/2020 của các huyện, thị xã, thành phố (*phụ lục 02 kèm theo*).

**Kè cả tiền sử dụng đất:** Có 12 huyện, thị xã đạt và vượt dự toán đề ra, gồm: Kong Chro (72,5%); Dak Pơ (68,7%); Mang Yang (66,5%); Chư Sê (63,5%); An Khê (62,8%); Ia Grai (60,8%); Krông Pa (60,7%); Phú Thiện (59,9%); Ayun Pa (58,3%); KBang (56,4%); Ia Pa (54,1%); Chư Păh (51,7%). Có 05 huyện, thành phố và Văn phòng Cục Thuế tỉnh chưa đạt tiến độ: Chư Prông (46,5%); Văn phòng Cục (39,6%); Đức Cơ (38,8%); Pleiku (35,1%); Chư Puh (18,9%); Dak Đoa (16,5%).

**Không bao gồm tiền sử dụng đất:** Có 09 huyện, thị xã đạt và vượt dự toán đề ra, gồm: Kong Chro (61,3%); KBang (58,2%); Phú Thiện (56,4%); Chư Prông (56%); Chư Păh (55,1%); An Khê (54,1%); Chư Sê (52%); Ia Pa (50,9%); Dak Pơ (50,5%). Có 09 huyện, thị xã, thành phố và Văn phòng Cục Thuế tỉnh chưa đạt tiến độ: Ayun Pa (46,1%); Mang Yang (46%); Chư Puh (43,6%); Krông Pa (40%); Văn phòng Cục (39,6%); Dak Đoa (39,3%); Đức Cơ (38,4%); Ia Grai (36,2%); Pleiku (33,5%).

**Tình hình nợ thuế:** Đến ngày 30/4/2020 tổng nợ thuế toàn ngành 1.172,2 tỷ đồng, tăng so với 31/12/2019 là 180,1 tỷ đồng (tăng 18,1%)<sup>1</sup>, gồm:

---

<sup>1</sup> Văn phòng Cục Thuế tỉnh Gia Lai 295,541 tỷ đồng; Chi cục Thuế TP. Pleiku 677,155 tỷ đồng; Chi cục Thuế huyện Kbang 4,137 tỷ đồng; Chi cục Thuế huyện Mang Yang 2,949 tỷ đồng; Chi cục Thuế huyện Chư Păh 3,839 tỷ đồng; Chi cục Thuế huyện Ia Grai 31,969 tỷ đồng; Chi cục Thuế thị xã An Khê 8,503 tỷ đồng; Chi cục Thuế huyện Kong Chro 4,816 tỷ đồng; Chi cục Thuế huyện Đức Cơ 12,481 tỷ đồng; Chi cục Thuế huyện Chư Prông 20,812 tỷ đồng; Chi cục Thuế huyện Chư Sê 73,23 tỷ đồng; Chi cục Thuế huyện Ia Pa 1,132 tỷ đồng; Chi cục Thuế thị xã Ayun Pa 10,026 tỷ đồng; Chi cục Thuế huyện Krông Pa 11,49 tỷ đồng; Chi cục Thuế huyện Dak Đoa 13,863 tỷ đồng; Chi cục Thuế huyện Dak Pơ 14,153 tỷ đồng; Chi cục Thuế huyện Phú Thiện 1,089 tỷ đồng; Chi cục Thuế huyện Chư Puh 17,023 tỷ đồng

- Nợ khó thu: 678,4 tỷ đồng (tăng so với 31/12/2019 là 12,3 tỷ đồng, tăng 1,8%); chiếm 57,9% trên tổng nợ. Số nợ khó thu có xu hướng tăng, phần lớn tăng do tính tiền phạt chậm nộp (0,03% trên mỗi ngày chậm nộp tương ứng 0,9% tháng và 10,8% năm), ước mỗi tháng tăng 2,7 tỷ đồng tiền chậm nộp.

- Nợ chờ xử lý là 44,5 tỷ đồng (giảm so với 31/12/2019 là 62,7 tỷ đồng, giảm 58,5%). Chủ yếu là các đơn vị có số nợ lớn đang khiếu kiện kéo dài chưa được xử lý.

- Nợ thông thường là 449,3 tỷ đồng (tăng so với 31/12/2019 là 230,5 tỷ đồng, tăng 105,3%).

Nguyên nhân nợ tăng là do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19, thực hiện giãn cách xã hội, nhiều người nộp thuế gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh, phải tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh dẫn đến chậm nộp tiền thuế vào NSNN. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 41/2020/NĐ-CP về gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất cho tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng, nhưng người nộp thuế chưa nộp kịp thời giấy đề nghị gia hạn đến cơ quan thuế, làm phát sinh số tiền nợ thuế và tiền chậm nộp tăng lên. Ngoài ra, còn có một số trường hợp người nộp thuế thực hiện kê khai phát sinh thuế phải nộp, không bị ảnh hưởng trực tiếp của dịch bệnh Covid-19, nhưng vì dịch bệnh nên chưa nộp kịp thời tiền thuế phát sinh vào NSNN.

## 2. Về chi ngân sách địa phương (*phụ lục 01 kèm theo*).

Chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2020 ước thực hiện 6.212 tỷ đồng, bằng 48,1% dự toán Trung ương giao, đạt 45,6% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 10,9% so với cùng kỳ.

Năm 2020, tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương ngay từ khâu dự toán và giữ lại phần tiết kiệm ở các cấp ngân sách để bố trí thực hiện cải cách tiền lương, số tiền 225 tỷ đồng (gồm: Ngân sách cấp tỉnh là 107,3 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện là 117,7 tỷ đồng).

Do tác động của dịch Covid – 19, thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh việc thực hiện tiết kiệm thêm 10% dự toán chi thường xuyên 8 tháng cuối năm 2020 (không bao gồm các khoản: Chi tiền lương, phụ cấp theo lương, chi cho con người theo chế độ; chi thực hiện các chính sách an sinh xã hội và các khoản chi đặc thù khác), với số tiền 132,9 tỷ đồng (ngân sách cấp tỉnh 62,3 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện 70,6 tỷ đồng). Kinh phí tiết kiệm thêm 10% dự toán chi thường xuyên 8 tháng cuối năm 2020 giữ lại tại Kho bạc nhà nước, để cân đối cho các khoản chi phòng, chống dịch Covid-19 và các nhiệm vụ chi khác năm 2020.

- Việc bố trí nguồn vốn để phòng, chống dịch và hỗ trợ người dân khó khăn do ảnh hưởng dịch Covid - 19:

+ Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 của Chính phủ về một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19: Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 của Chính phủ về

một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID-19 là 177,1 tỷ đồng. Đã tạm ứng để thực hiện 43,5 tỷ đồng.

+ Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19: Dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện là 589 tỷ đồng. Để đảm bảo kinh phí và kịp thời hỗ trợ kinh phí cho các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành được giao nhiệm vụ phòng, chống và hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid - 19 theo quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp tạm ứng kinh phí cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố 273 tỷ đồng.

**2.1. Các khoản chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương:** Ước thực hiện 780 tỷ đồng, bằng 50,4% dự toán Trung ương giao, đạt 36,4% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 0,8% so với cùng kỳ.

#### **Tình hình giải ngân kế hoạch vốn đến ngày 31/5/2020 trên địa bàn tỉnh:**

- Kế hoạch vốn năm 2020 là 2.992,6 tỷ đồng, số giải ngân là 776,1 tỷ đồng, đạt 25,9% kế hoạch. Gồm: Nguồn ngân sách địa phương 458,5 tỷ đồng, đạt 30,8% kế hoạch<sup>2</sup>; nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ các chương trình mục tiêu 155,5 tỷ đồng, đạt 37,8% kế hoạch; chương trình mục tiêu quốc gia 124,2 tỷ đồng, đạt 17,7% kế hoạch; vốn nước ngoài 37,9 tỷ đồng, đạt 9,7% kế hoạch.

- Kế hoạch vốn kéo dài từ năm 2018 sang năm 2020 là 510,6 tỷ đồng, số giải ngân là 70,5 tỷ đồng, đạt 14% kế hoạch. Gồm: Nguồn ngân sách địa phương là 54,5 tỷ đồng, đạt 17% kế hoạch; nguồn vốn ngân sách trung ương 8,7 tỷ đồng, đạt 19% kế hoạch; vốn nước ngoài 6,5 tỷ đồng, đạt 5% kế hoạch; vốn trái phiếu Chính phủ 0,7 tỷ đồng, đạt 9% kế hoạch.

Đến nay, vẫn còn 03 sở, ngành, chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân dưới 10%<sup>3</sup>; 06 sở, ngành, chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân dưới 20%<sup>4</sup>.

#### **Tình hình quyết toán dự án hoàn thành đến ngày 31/5/2020 trên địa bàn tỉnh:**

- Tổng số dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán là 263 dự án. Trong đó: Tổng giá trị đề nghị quyết toán 561.724 triệu đồng; tổng giá trị quyết toán được phê duyệt: 561.549 triệu đồng; tổng số giá trị giảm trừ qua quyết toán 175 triệu đồng.

- Số dự án hoàn thành chủ đầu tư đã nộp hồ sơ báo cáo quyết toán, trong thời hạn thẩm tra quyết toán là 54 dự án, tổng giá trị đề nghị quyết toán là 60,7 tỷ đồng. Chậm thẩm tra, phê duyệt quyết toán dưới 24 tháng là 03 dự án (thuộc thị xã An Khê quản lý), với tổng mức đầu tư được duyệt là 4,1 tỷ đồng.

<sup>2</sup> Không bao gồm trích 30% nộp Quỹ phát triển đất, 10% đền bù của tiền sử dụng đất cấp huyện.

<sup>3</sup> UBND Huyện Krông Pa (8,2%), Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi (8,7%), Sở Kế hoạch và Đầu tư (0,4%)

<sup>4</sup> UBND Thị xã An Khê (10,5%), UBND Thị xã Ayun Pa (11,9%), UBND Huyện Đak Đoa (19,3%), UBND Huyện Phú Thiện (16,1%), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (16,9%), Sở Thông tin và Truyền thông (11,1%)

- Số dự án hoàn thành chủ đầu tư chưa nộp hồ sơ báo cáo quyết toán 365 dự án, tổng mức đầu tư được duyệt là 815,9 tỷ đồng, trong đó:

+ Số dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán là 247 dự án, với tổng mức đầu tư được duyệt là 678,7 tỷ đồng.

+ Số dự án chậm nộp báo cáo quyết toán dưới 24 tháng là 118 dự án (thuộc tuyến huyện quản lý), với tổng mức đầu tư được duyệt là 137,2 tỷ đồng<sup>5</sup>.

**2.2. Chi thường xuyên:** Ước thực hiện 4.193,6 tỷ đồng, đạt 48,4% dự toán Trung ương giao và đạt 49,8% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 15,4% so với cùng kỳ.

**2.3. Chi các chương trình mục tiêu quốc gia và trung ương bổ sung thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ:** Ước thực hiện là 1.237 tỷ đồng, đạt 49,3% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 3,9% so với cùng kỳ.

**2.4. Ước thực hiện chi ngân sách đến 30/6/2020 của các huyện, thị xã, thành phố (*phụ lục 03 kèm theo*).**

**2.5. Tình hình sử dụng nguồn dự phòng ngân sách tỉnh (đến 31/5/2020):** Dự toán năm 2020 là 96,6 tỷ đồng. Đã sử dụng 2,3 tỷ đồng; Nguồn dự phòng còn lại là 94,2 tỷ đồng (*phụ lục 4 kèm theo*).

### 3. Đánh giá chung.

Dịch bệnh Covid-19 đã tác động đến nhiều mặt của đời sống kinh tế, xã hội. Hầu hết hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh ngừng hoạt động. Ngoài ra, dịch bệnh cũng làm giảm mạnh việc tiêu thụ, buôn bán hàng hóa khác như: Chuyển nhượng bất động sản; buôn bán ô tô, xe máy;... giảm nguồn thu lệ phí trước bạ, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng từ các lĩnh vực này. Bên cạnh đó, thời tiết khô hạn kéo dài ảnh hưởng giảm đến nguồn thu thuế từ các công ty thủy điện trên địa bàn. Do đó, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 06 tháng đầu năm 2020 ước thực hiện chỉ đạt 45,7% so dự toán trung ương giao, đạt 40,2% so với dự toán Hội đồng nhân dân giao, chưa đạt tiến độ và giảm 7,2% so với cùng kỳ. Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với Cục Thuế tỉnh xây dựng kịch bản thu chi ngân sách nhà nước do tác động của dịch Covid - 19 để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

Về chi ngân sách: Nhìn chung công tác quản lý, điều hành chi ngân sách thực hiện đúng quy định, đảm bảo được các nhiệm vụ chi theo dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí. Việc triển khai dự toán cơ bản đảm bảo tiến độ.

## II. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2020.

### 1. Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

<sup>5</sup> UBND Thị xã An Khê 05 dự án, tổng mức đầu tư 9,171 tỷ đồng, UBND Huyện Phú Thiện 25 dự án, tổng mức đầu tư 15,407 tỷ đồng, UBND Huyện Đức Cơ 42 dự án, tổng mức đầu tư 52,421 tỷ đồng, UBND Huyện Chư Păh 46 dự án, tổng mức đầu tư 60,214 tỷ đồng

Bình quân 6 tháng đầu năm 2020, thu ngân sách chỉ đạt 348,3 tỷ đồng/tháng. Để đạt dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2020 được Hội đồng nhân dân tỉnh giao 5.200 tỷ đồng, 6 tháng còn lại năm 2020 phải thực hiện 3.110 tỷ đồng, bình quân 518,3 tỷ đồng/1 tháng. Trong đó: Thu nội địa phải thực hiện là 3.083,9 tỷ đồng, (các khoản thu do ngành thuế thực hiện là 2.971 tỷ đồng, bình quân 495,2 tỷ đồng/1 tháng; các khoản thu khác do cơ quan tài chính quản lý là 112,9 tỷ đồng, bình quân 18,8 tỷ đồng/1 tháng); thu từ hoạt động xuất nhập khẩu phải thực hiện 26,1 tỷ đồng, bình quân 4,35 tỷ đồng/1 tháng. Trong tình hình dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp, khó lường và còn tiếp tục tác động tiêu cực đến nhiều mặt của đời sống kinh tế, xã hội thì đây là nhiệm vụ khó khăn.

Để hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2020, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XV nhiệm kỳ 2016-2020; Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XI kỳ họp thứ mười một về phân bổ dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2020, đảm bảo cân đối ngân sách trong điều kiện tác động của dịch Covid - 19 còn đang diễn biến phức tạp, 6 tháng cuối năm sẽ tiếp tục thực hiện một số giải pháp cơ bản như sau:

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ, về các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch bệnh Covid -19; Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ, về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19; Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về ban hành kế hoạch hành động thực hiện NQ 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ, về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 13/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc tăng cường công tác thu ngân sách nhà nước năm 2020.

- Đối với ngành thuế:

- + Thực hiện tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ.

- + Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội về khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước.

- + Bên cạnh với việc triển khai các chính sách tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ người nộp thuế trước tác động của dịch, tiếp tục tăng cường các giải pháp chống thất thu, tăng thu cho NSNN như:

- \* Đôn đốc người nộp thuế được gia hạn thời gian nộp tiền thuế, tiền thuê đất theo Nghị định 41/2020/NĐ-CP, nộp kịp thời vào ngân sách trong tháng 10, 11, 12/2020 và không để phát sinh nợ thuế từ số tiền thuế, tiền thuê đất được gia

hạn này; tăng cường công tác kiểm tra, xử lý kịp thời việc miễn thuế, giảm thuế đối với hộ kinh doanh ngừng nghỉ nhưng thực tế không ngừng nghỉ kinh doanh.

\* Tăng cường công tác quản lý, giám sát hồ sơ khai thuế của người nộp thuế, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp trọng điểm để đôn đốc nộp ngay vào ngân sách các khoản thuế phát sinh; bám sát nhiệm vụ thu để khai thác các nguồn thu trên từng địa bàn, nhằm bù đắp các khoản giảm thu do ảnh hưởng dịch bệnh. Không để xảy ra việc lợi dụng dịch Covid-19, lợi dụng chính sách tháo gỡ khó khăn để trục lợi, gây thất thu ngân sách nhà nước.

\* Nắm chắc tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, người nộp thuế, đánh giá, dự báo ảnh hưởng giảm thu ngân sách do dịch bệnh Covid-19, từ đó tập trung công tác quản lý thuế, thanh tra, kiểm tra thu. Động viên, nắm bắt khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trên địa bàn; phối hợp với các cơ quan chuyên môn và các cơ quan liên quan để xem xét giải quyết, có phương án hỗ trợ phù hợp giúp doanh nghiệp vượt qua khó khăn.

+ Tiếp tục thực hiện đôn đốc người nộp thuế nộp ngay vào ngân sách nhà nước các khoản thuế, phí, lệ phí sau kết luận thanh tra, kiểm tra thuế, đồng thời đôn đốc người nộp thuế thực hiện nộp kịp thời các khoản thuế sau kết luận kiến nghị tăng thu của Kiểm toán nhà nước.

+ Tiếp tục hiện đại hóa công tác quản lý thuế gắn với cải cách thủ tục hành chính thuế, tạo môi trường thuận lợi cho người nộp thuế, qua đó tạo động lực và cơ sở để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng, tăng thu và nuôi dưỡng nguồn thu cho ngân sách.

+ Thực hiện có hiệu quả các giải pháp về tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao tinh thần trách nhiệm đội ngũ cán bộ công chức trong thực thi công vụ và thực hiện nghiêm công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

## **2. Về công tác quản lý chi ngân sách địa phương.**

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản, kể cả vốn đầu tư của các thành phần kinh tế để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn thu ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ, về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid - 19:

+ Tiếp tục rà soát để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân và nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư công.

+ Chỉ đạo chủ đầu tư, ban quản lý dự án và nhà thầu đẩy mạnh thi công xây dựng công trình kết hợp với các biện pháp đảm bảo an toàn cho người lao động theo đúng quy định về phòng, chống dịch.

+ Ban hành kế hoạch giải ngân cho từng chủ đầu tư, yêu cầu chủ đầu tư cam kết tiến độ giải ngân của từng dự án, trường hợp giải ngân không đạt tiến độ theo cam kết, xem xét điều chuyển vốn cho dự án có tiến độ giải ngân tốt, có nhu cầu bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

+ Chỉ đạo chủ đầu tư hoàn thành việc thu hồi vốn ứng trước, thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản của các dự án được giao kế hoạch trong năm 2020;

đến hết tháng 8 năm 2020 giải ngân toàn bộ số vốn kéo dài các năm 2018, 2019 sang năm 2020; hoàn thành thủ tục đầu tư các dự án quy mô lớn, quan trọng chậm nhất trong tháng 6 năm 2020.

+ Chủ động rà soát, điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2020 và báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2019 kéo dài sang năm 2020 của các dự án chậm tiến độ sang các dự án khác có tiến độ giải ngân tốt, có nhu cầu bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm hoàn thành đưa vào sử dụng.

+ Phân công lãnh đạo chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện từng dự án, lập kế hoạch giải ngân của từng dự án, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho từng dự án. Kết quả giải ngân của từng dự án được phân công theo dõi là căn cứ chủ yếu để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2020.

+ Kiên quyết xử lý nghiêm và kịp thời các tổ chức, cá nhân, lãnh đạo, cán bộ, công chức vi phạm quy định pháp luật và cố tình cản trở, gây khó khăn, làm chậm tiến độ giao, thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác giao quyền tự chủ tự đảm bảo chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện tốt Chương trình hành động số 64-CTr/TU ngày 05/6/2018 thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập đã định hướng, lộ trình và nội dung sắp xếp trong từng cơ quan, từng lĩnh vực sự nghiệp.

- Tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quyết toán, và kiểm tra, xét duyệt và thẩm tra quyết toán ngân sách nhà nước năm 2019 theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, trình Hội đồng nhân dân xem xét phê chuẩn đúng Luật Ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục rà soát các chế độ chính sách hiện nay còn bất cập để báo cáo các bộ, ngành trung ương cho ý kiến xử lý, để triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định (nghĩa vụ tài chính, bồi thường giải phóng mặt bằng, định mức xe ô tô, biên chế sự nghiệp, hội đặc thù,...).

- Kho bạc Nhà nước tỉnh tăng cường công tác kiểm soát chi thanh toán, đảm bảo tuân thủ các quy định của nhà nước.

Trên đây là những nội dung cơ bản về kết quả thực hiện dự toán thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ thu chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2020, UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo dõi, giám sát./. Phó Chủ tịch

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh khóa XI;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH và ĐT, Tài chính;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTH.



## PHỤ LỤC 4

Tình hình sử dụng nguồn dự phòng ngân sách tỉnh (đến 26/6/2020).



Đơn vị tính: Triệu đồng.

SỐ TÍM	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
	Tổng số	17.860,838
1	Hỗ trợ kinh phí đón tiếp đoàn khảo sát kích cầu du lịch Việt Nam 2020 khu vực Tây Nguyên - Nam Trung bộ (Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 03/3/2020).	85
2	Hỗ trợ tổ chức thực hiện Chương trình 45 năm Văn học Tây nguyên tại tỉnh Gia Lai (Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 04/3/2020).	96,825
3	Kinh phí phục vụ công tác khảo sát, thu thập thông tin, xác định đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 13/3/2020).	394
4	Kinh phí hỗ trợ Đoàn khảo cổ học thực hiện khảo sát, thăm dò khảo cổ tại huyện Phú Thiện và thị xã Ayun Pa (Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 19/3/2020).	23,2
5	Kinh phí hỗ trợ tổ chức Đại hội cơ sở Chi hội Nhạc sĩ Việt Nam tại tỉnh Gia Lai (Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 19/3/2020).	9,6
6	Kinh phí hỗ trợ thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 (Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 25/3/2020, Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 25/3/2020 và Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 09/4/2020).	1.340
7	Cấp bổ sung và thu hồi kinh phí đã tạm ứng cho các đơn vị để tổ chức "Ngày cà phê Việt Nam" lần 3 năm 2019 tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 10/4/2020).	360,417
8	Thanh toán chi phí kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên ngạch chuyên viên và tương đương năm 2019 (Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 09/4/2020).	88,6
9	Kinh phí tổ chức xúc tiến hội nghị giới thiệu sản phẩm kích cầu du lịch Gia Lai tại 5 tỉnh (Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 19/06/2020).	193,0
10	Kinh phí sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất trụ sở Tỉnh ủy (Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 23/06/2020).	15.270,196

*[Signature]*



**BÁO CÁO**  
**THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020**  
(Kèm theo Báo cáo số 74 /BC-UBND ngày 22/6/2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Dự toán BTC giao	Dự toán HDND tỉnh giao	Lũy kế thực hiện đến 31/5/2019	Thực hiện tháng 6/2019	Lũy kế thực hiện 30/6/2019	Thực hiện cả năm 2019	Lũy kế thực hiện đến 31/5/2020	Ước thực hiện tháng 6/2020	Lũy kế thực hiện đến 30/6/2020	Ước thực hiện cả năm 2020	(% ) thực hiện		
											So với dự toán BTC giao	So với dự toán HDND tỉnh giao	So cùng kỳ năm trước
A	1	2	3	4	5		8				9	10	11
A. Tổng các khoản thu cần đổi NSNN	4.570.000	5.200.000	1.903.241	347.865	2.251.106	4.554.163	1.747.960	342.040	2.090.000	4.746.000	45,7%	40,2%	92,8%
I. Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước	4.540.000	5.170.000	1.875.200	347.474	2.222.674	4.523.337	1.744.295	341.805	2.086.100	4.740.500	45,9%	40,4%	93,9%
Thu nội địa loại trừ tiền sử dụng đất và thu xổ số kiến thiết	3.900.000	3.952.000	1.530.632	298.161	1.828.793	3.543.524	1.350.110	223.990	1.574.100	3.500.500	40,4%	39,8%	86,1%
1. Cục thuế quản lý thu	4.366.000	4.981.000	1.815.529	312.851	2.128.380	4.353.216	1.681.911	328.089	2.010.000	4.550.000	46,0%	40,4%	94,4%
1.1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương	910.000	921.000	321.830	54.035	375.865	817.052	245.792	74.208	320.000	740.000	35,2%	34,7%	85,1%
1.2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	41.000	41.000	20.756	2.604	23.360	40.254	22.314	2.686	25.000	43.000	61,0%	61,0%	107,0%
1.3. Thu từ xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	23.000	23.000	18.709	2.580	21.289	26.483	20.156	3.544	23.700	30.000	103,0%	103,0%	111,3%
1.4. Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh	1.200.000	1.223.000	459.578	98.613	558.191	1.049.220	385.909	38.091	424.000	990.000	35,3%	34,7%	76,0%
1.5. Lệ phí trước bạ	285.000	285.000	105.684	17.964	123.648	246.333	72.761	13.239	86.000	190.000	30,2%	30,2%	69,6%
1.6. Thuế sử dụng đất nông nghiệp			323	193	516	1.208	245	55	300	1.200			58,1%
1.7. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8.000	8.000	2.681	1.849	4.530	7.451	1.780	1.920	3.700	7.500	46,3%	46,3%	81,7%
1.8. Thuế thu nhập cá nhân	310.000	310.000	133.457	16.525	149.982	259.017	131.168	13.832	145.000	262.000	46,8%	46,8%	96,7%
1.9. Thuế Bảo vệ môi trường	690.000	690.000	279.661	49.903	329.564	638.775	300.048	44.952	345.000	650.000	50,0%	50,0%	104,7%
1.10. Thu phí và lệ phí	95.000	95.000	43.385	7.506	50.891	90.941	45.130	5.870	51.000	95.000	53,7%	53,7%	100,2%
1.11. Tiền sử dụng đất	500.000	1.078.000	269.020	40.908	309.928	825.680	341.395	108.605	450.000	1.100.000	90,0%	41,7%	145,2%
1.12. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	82.000	82.000	30.876	6.269	37.145	93.120	22.320	680	23.000	212.000	28,0%	28,0%	61,9%
1.13. Thu tiền bán và cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			80		80	6.462	259	41	300	300			375,0%
1.14. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	72.000	72.000	50.297	2.503	52.800	83.570	36.714	5.286	42.000	72.000	58,3%	58,3%	79,5%
1.15. Thu cổ tức và lợi nhuận còn lại, tiền bán bớt phần vốn của NN						229							
1.16. Thu Xô sô kiến thiết	140.000	140.000	75.548	8.405	83.953	154.133	52.789	9.211	62.000	140.000	44,3%	44,3%	73,9%
1.17. Thu phạt VPHC do cơ quan thuế thực hiện	10.000	13.000	3.644	2.994	6.638	13.288	3.132	5.868	9.000	17.000	90,0%	69,2%	135,6%
2. Các khoản thu khác do cơ quan tài chính quản lý	174.000	189.000	59.671	34.623	94.294	170.121	62.383	13.717	76.100	190.500	43,7%	40,3%	80,7%
2.1. Thu từ quỹ đất công ích và thu lợi công sản khác	3.000	3.000	934	297	1.231	2.659	1.009	391	1.400	3.000	46,7%	46,7%	113,7%
2.2. Thu phạt VPHC trong lĩnh vực ATGT	55.000	66.270	16.400	4.143	20.543	41.252	20.401	4.599	25.000	67.000	45,5%	37,7%	121,7%
2.3. Thu biện pháp tài chính khác	116.000	119.730	42.337	30.183	72.520	126.210	40.973	8.727	49.700	120.500	42,8%	41,5%	68,5%
II. Thuế XK, NK, TTDB, VAT hàng nhập khẩu Hải quan thu.	30.000	30.000	28.041	391	28.432	30.826	3.666	234	3.900	5.500	13,0%	13,0%	13,7%
B. Chi ngân sách địa phương	12.923.154	13.633.160	4.598.365	1.002.223	5.600.588	12.683.809	5.068.810	1.143.190	6.212.000	14.061.400	48,1%	45,6%	110,9%
1. Chi đầu tư phát triển	1.546.190	2.144.190	508.455	265.387	773.842	2.578.173	513.075	266.925	780.000	2.300.000	50,4%	36,4%	100,8%
2. Chi thường xuyên	8.658.756	8.412.781	3.046.710	587.547	3.634.256	7.899.606	3.351.920	841.680	4.193.600	8.750.000	48,4%	49,8%	115,4%
3. Chi bổ sung Quỹ dự trữ Tài chính	1.400	1.400			1.400	1.400	1.400		1.400	1.400	100,0%	100,0%	100,0%
4. Chi thực hiện chính sách cải cách tiền lương			343.782										
5. Chi từ nguồn dự phòng ngân sách	208.071	222.270											
6. Chi trả nợ lãi vay	600	600				62							
7. Chi các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu nhiệm vụ	2.508.137	2.508.137	1.043.201	147.890	1.191.090	2.204.568	1.203.815	33.185	1.237.000	3.010.000	49,3%	49,3%	103,9%

**TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NSNN ĐẾN NGÀY 30/6/2020 CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**  
 (Kèm theo Báo cáo số 74/BCUBND ngày 22/6/2020 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	Huyện, thị xã, thành phố	Dự toán UBND tỉnh giao năm 2020						Ước thực hiện đến ngày 30/6/2020						% Thực hiện so với dự toán								
		Dự toán giao (kè cả tiền sử dụng đất)		Dự toán giao (không kè tiền sử dụng đất)		Biện pháp tài chính	Thuế	Gồm		Tổng thu NSNN (kè cả tiền sử dụng đất)		Tổng thu NSNN (không kè tiền sử dụng đất)		Biện pháp tài chính	Thuế	Gồm		% so với dự toán năm (kè cả tiền sử dụng đất)	% so với dự toán năm (không kè tiền sử dụng đất)	Biện pháp tài chính	Thuế (kè cả tiền sử dụng đất)	Thuế (không kè tiền sử dụng đất)
		Thu tiền sử dụng đất	Các khoản thuế còn lại					Thu tiền sử dụng đất	Các khoản thuế còn lại							Thu tiền sử dụng đất	Các khoản thuế còn lại					
A	B	1=2+3	1a = 2+5	2	3=4+5	4	5	6 = 7+8	6a=7+10	7	8=9+10	9	10	11=6/1	11a=6a/1a	12=7/2	13 = 8/3	14=10/5				
1	Kông Chro	22.010	19.010	2.810	19.200	3.000	16.200	15.949	11.657	2.123	13.826	4.292	9.534	72,5%	61,3%	75,6%	72,0%	58,9%				
2	Đăk Pơ	24.550	17.550	2.750	21.800	7.000	14.800	16.867	8.867	958	15.909	8.000	7.909	68,7%	50,5%	34,8%	73,0%	53,4%				
3	Mang Yang	26.770	18.970	2.170	24.600	7.800	16.800	17.794	8.721	1.997	15.797	9.073	6.724	66,5%	46,0%	92,0%	64,2%	40,0%				
4	Chư Sê	162.720	42.720	4.220	158.500	120.000	38.500	103.400	22.234	3.580	99.820	81.166	18.654	63,5%	52,0%	84,8%	63,0%	48,5%				
5	An Khê	101.010	71.010	4.910	96.100	30.000	66.100	63.389	38.389	2.930	60.459	25.000	35.459	62,8%	54,1%	59,7%	62,9%	53,6%				
6	Ia Grai	51.110	36.110	4.510	46.600	15.000	31.600	31.072	13.072	2.310	28.762	18.000	10.762	60,8%	36,2%	51,2%	61,7%	34,1%				
7	Krông Pa	35.230	24.730	3.730	31.500	10.500	21.000	21.399	9.885	3.046	18.353	11.514	6.839	60,7%	40,0%	81,7%	58,3%	32,6%				
8	Phú Thiện	26.820	22.820	2.820	24.000	4.000	20.000	16.069	12.869	2.599	13.470	3.200	10.270	59,9%	56,4%	92,2%	56,1%	51,4%				
9	AyunPa	75.640	69.140	3.240	72.400	6.500	65.900	44.100	31.860	1.699	42.401	12.240	30.161	58,3%	46,1%	52,4%	58,6%	45,8%				
10	K'Bang	40.980	31.980	3.080	37.900	9.000	28.900	23.102	18.602	2.005	21.097	4.500	16.597	56,4%	58,2%	65,1%	55,7%	57,4%				
11	IaPa	12.260	11.060	2.060	10.200	1.200	9.000	6.628	5.628	2.025	4.603	1.000	3.603	54,1%	50,9%	98,3%	45,1%	40,0%				
12	Chư Păh	31.920	19.920	2.720	29.200	12.000	17.200	16.488	10.970	1.425	15.063	5.518	9.545	51,7%	55,1%	52,4%	51,6%	55,5%				
13	Chư Prông	54.790	39.790	3.490	51.300	15.000	36.300	25.500	22.300	2.000	23.500	3.200	20.300	46,5%	56,0%	57,3%	45,8%	55,9%				
14	Đức Cơ	40.570	30.570	3.470	37.100	10.000	27.100	15.750	11.750	1.750	14.000	4.000	10.000	38,8%	38,4%	50,4%	37,7%	36,9%				
15	Pleiku	1.311.610	642.610	12.610	1.299.000	669.000	630.000	459.999	215.298	9.938	450.061	244.701	205.360	35,1%	33,5%	78,8%	34,6%	32,6%				
16	Chư Püh	38.210	15.210	3.110	35.100	23.000	12.100	7.220	6.624	820	6.400	596	5.804	18,9%	43,6%	26,4%	18,2%	48,0%				
17	Đăk Đoa	171.070	36.070	3.670	167.400	135.000	32.400	28.160	14.160	1.510	26.650	14.000	12.650	16,5%	39,3%	41,1%	15,9%	39,0%				
18	Văn phòng Cục	2.972.730	2.972.730		2.972.730		2.972.730	1.177.114	1.177.114		1.177.114		1.177.114	39,6%	39,6%			39,6%	39,6%			
	T.tô: XNK	30.000	30.000	30.000				4.399	4.399	4.399					14,7%	14,7%	14,7%					
	Tổng cộng	5.200.000	4.122.000	65.370	5.134.630	1.078.000	4.056.630	2.090.000	1.640.000	42.715	2.047.285	450.000	1.597.285									



**TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ  
ĐẾN NGÀY 30/6/2020**

(Kèm theo Báo cáo số 74 /BC-UBND ngày 22/6/2020 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng chi NS huyện - xã	Dự toán UBND tỉnh giao năm 2020						Tổng chi NS huyện- xã	Ước thực hiện đến ngày 30/6/2020									% Thực hiện/Dự toán		
			Gồm							Trong đó											
			Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên (1)	SN GD - DT và DN (2)	SN KHCN	SNMT	Dự phòng ngân sách		Chi đầu tư phát triển (1)	Chi thường xuyên (2)	SN GD - DT và DN	SN KHCN	SNMT	Dự phòng ngân sách	Chi nộp trả NS cấp trên	Chi tạm ứng	Chi BS NS cấp dưới	Tạm chi chưa đưa vào cân đối NSNN		
A	B	1=2+3+7	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	16	18	19	20	21=8/1	
1	Chư Sê	593.511	140.200	442.381	258.907	410	7.034	10.930	398.771	155.946	229.231	101.519	-	7.500	5.772		7.822			67,2%	
2	Chư Păh	366.054	25.500	333.967	169.398	350	4.230	6.587	195.967	39.432	152.430	68.625	120	1.350	4.105					53,5%	
3	Phú Thiện	352.863	15.900	331.078	172.177	350	3.892	5.885	176.463	15.756	159.440	73.416		1.125	1.267					50,0%	
4	Ia Grai	423.651	31.300	384.762	229.192	350	4.730	7.589	258.821	16.552	234.680	110.500	175	2.500	7.589					61,1%	
5	Mang Yang	315.574	21.200	288.598	159.154	350	3.310	5.776	148.635	33.516	114.337	64.275		139	782					47,1%	
6	KBang	383.994	25.900	351.315	196.285	350	4.302	6.779	223.933	74.730	145.067	76.140		550	4.136					58,3%	
7	An Khê	311.196	45.900	259.368	128.387	410	5.437	5.928	179.411	41.605	134.956	62.877	205	2.297	2.850					57,7%	
8	Krông Pa	426.199	28.100	390.498	218.244	350	4.607	7.601	184.644	35.947	143.997	85.105		366	4.700					43,3%	
9	IaPa	279.663	14.500	260.106	143.192	350	3.174	5.057	144.200	15.169	129.031	54.541		100						51,6%	
10	Đăk Pơ	225.865	16.900	204.980	99.046	350	2.589	3.985	118.900	34.230	81.450	40.360	50	325	3.220					52,6%	
11	Đức Cơ	368.787	22.900	339.271	190.217	350	4.212	6.616	205.000	20.500	180.000	90.000	-	1.155	4.500					55,6%	
12	Đăk Đoa	435.491	23.300	404.344	211.028	350	4.747	7.847	209.221	29.700	160.450	85.200	10	300	2.500	350	16.221			48,0%	
13	AyunPa	224.231	20.700	199.400	95.464	410	4.902	4.131	122.983	26.265	94.996	38.969	200	1.517	1.722					54,8%	
14	Chư Prông	502.231	34.300	458.792	252.897	350	5.261	9.139	269.000	31.000	232.500	128.000	200	2.000	5.500					53,6%	
15	Chư Puh	341.231	34.800	300.608	165.805	350	3.750	5.823	153.079	21.359	128.557	61.520	-	5.151	3.163					44,9%	
16	Pleiku	1.091.760	391.000	680.255	341.032	510	15.439	20.505	665.329	250.000	329.959	160.000		28.000		141		49.793	35.437	60,9%	
17	Kông Chro	316.223	18.600	292.142	150.214	350	3.222	5.481	145.343	15.230	129.834	56.109		879	279					46,0%	
	Tổng cộng	6.958.524	911.000	5.921.865	3.180.639	6.290	84.838	125.659	3.799.700	856.937	2.780.915	1.357.155	960	55.253	52.085	491	24.043	49.793	35.437		

Ghi chú:

(1) Chi thường xuyên (kể cả bổ sung có mục tiêu)

(2) Chi Sư nghiệp Giáo dục, Đào tạo và Day nghề (kể cả bổ sung có mục tiêu)

## PHỤ LỤC

### Danh giá một số nguyên nhân ảnh hưởng giảm thu 6 tháng cuối năm 2020.



#### **I. Đối với các khoản thuế, phí do cơ quan thuế thực hiện.**

##### **1. Do tác động của chính sách.**

- Thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19, dự kiến giảm 76 tỷ đồng, cụ thể:

+ Quy định mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay bằng 70% mức thuế quy định tại Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14, mỗi tháng thuế bảo vệ môi trường từ nhiên liệu bay thu khoảng 3 tỷ/tháng, như vậy mỗi tháng cuối năm giảm thu 0,9 tỷ/tháng (ước giảm khoảng 5,4 tỷ 6 tháng cuối năm).

+ Miễn tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với doanh nghiệp khai thác nước để sản xuất, kinh doanh trong năm 2020, ước giảm 6 tháng cuối năm 27 tỷ đồng (tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước năm 2019 nộp 58,5 tỷ; 5 tháng đầu năm nộp 32 tỷ, các tháng cuối năm 2020 không còn phát sinh).

+ Giảm 50% lệ phí trước bạ khi đăng ký ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước tới hết năm 2020 nhằm kích thích tiêu dùng trong nước; ước giảm thu 6 tháng cuối năm 25 tỷ đồng.

+ Giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ để hỗ trợ trong bối cảnh đại dịch Covid-19, ước giảm khoảng 15 tỷ đồng.

+ Giảm 15% tiền thuê đất phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang được nhà nước cho thuê đất trực tiếp, ước giảm thu 3 tỷ đồng.

- Về thuế thu nhập cá nhân: Thực hiện Nghị quyết số 954/2020/NQ/UBTVQH14 ngày 02/6/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tăng mức giảm trừ cho người nộp thuế từ 9 triệu đồng lên mức 11 triệu đồng và mức giảm trừ cho người phụ thuộc từ 3,6 triệu đồng lên 4,4 triệu đồng áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2020, ước thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công năm 2020 giảm 35 tỷ so dự toán được giao (khi tính toán dự toán năm 2020 Bộ Tài chính chưa tính toán yếu tố này).

##### **2. Do tác động của một số nguyên nhân khác quan.**

- Thời tiết 6 tháng đầu năm nắng nóng kéo dài, sản lượng phát điện của các công ty thủy điện đạt thấp nên số thu từ các công ty thủy điện đạt thấp so với tiến độ dự toán, dự kiến giảm 208,2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

*[Signature]*

Đơn vị tính: Tỷ đồng.

Số thứ tự	Công ty thủy điện	Năm 2019		Dự toán 2020	Thực hiện năm 2020		UTH năm 2020 so	
		6 tháng	Cả năm		6 tháng	UTH cả năm	Dự toán	Cùng kỳ
1	Khu vực DNNN TW	151,8	418,3	473,2	115,3	290	-183,2	-128,3
2	Khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh	74,2	162,9	180	69,6	155	-25	-7,9

- Hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn ảnh hưởng giảm doanh thu, giảm thuế phải nộp do dịch bệnh Covid-19. Đến nay, mặc dù dịch bệnh đang tạm ổn, nhưng khả năng phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp còn chậm, nên nguồn thu giảm sút, dự kiến giảm 111,8 tỷ đồng.

- Kinh tế vẫn còn khó khăn, ảnh hưởng dịch bệnh, giá cả nông sản chủ lực đang ở mức thấp,... ảnh hưởng sức tiêu thụ hàng hóa, chuyển nhượng bất động sản, ô tô, xe máy nên nguồn thu lệ phí trước bạ, thuế thu nhập cá nhân giảm mạnh so cùng kỳ và đạt rất thấp so tiến độ dự toán năm 2020 đã được giao.

## II. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu do cơ quan hải quan quản lý thu.

Ước thực hiện là 3,9 tỷ đồng, đạt 13% dự toán Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, giảm 86,3% so cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm 5,5 tỷ đồng, đạt 18,3% dự toán trung ương giao và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, giảm 82,2% so với thực hiện năm 2019, dự kiến giảm 24,5 tỷ đồng.

Nguyên nhân: Nguồn thu chủ yếu từ thuế GTGT của mặt hàng mủ cao su tự nhiên nhập khẩu, mặt hàng máy móc thiết bị nhập khẩu tạo tài sản cố định và thu từ công tác kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp. Tuy nhiên, thu NSNN từ máy móc thiết bị nhập khẩu tạo tài sản cố định trên địa bàn giảm; mặt hàng gỗ nhiên liệu nhập khẩu không phát sinh. Đối với mặt hàng cao su tự nhiên nhập khẩu, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên việc nhập khẩu và vận chuyển hàng hóa gặp nhiều khó khăn, tác động lớn đến việc nhập khẩu hàng hóa, dẫn đến kim ngạch và số thu NSNN giảm.